

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH SƠN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/9/2024

“*V/v: Ly hôn, nuôi con chung  
khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Duyên Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Mạnh Quỳ.

Bà Trần Thị Khoa.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị M**, sinh năm 1990.

HKTT: Xóm C, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm C, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Hà Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29/8/2024. Anh Phạm Văn B vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, bản tự khai ngày 28/6/2024 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nguyên đơn chị Hà Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh B xây dựng gia đình với nhau năm 2009, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ anh B tại xóm C, xã Y, huyện T tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc. Sau đó đến năm 2019 cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cách sống, trong làm ăn kinh tế, không tin tưởng vào tình cảm của nhau, bản thân anh B thì mãi chơi bời, không chăm lo đến vợ con, gia đình, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, từ đó có lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì hai bên gia đình có biết, có khuyên bảo, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không tự hàn gắn, khắc phục được. Chính vì cuộc sống gia đình căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau, khi làm đơn ly hôn chị M có gọi anh B cùng đến Tòa án để giải quyết ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để làm việc. Nay chị M xác định tình cảm với anh B không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Hà Thị M trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Hà T, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 16/9/2011. Hiện nay các con chung đang ở cùng với chị M từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học. Khi ly hôn chị M xin được nuôi hai con chung đến khi các cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Từ khi sống ly thân anh B cũng không thăm mon, quan tâm, cấp dưỡng gì đối với con chung. Hiện nay chị M đang làm lao động tự do gần nhà, có thu nhập ổn định từ 7 đến 8 triệu đồng một tháng, chị và con có nhà ở kiên cố, rộng rãi. Chị M khẳng định sẽ đảm bảo điều kiện về kinh tế, môi trường tốt nhất cho con chung khôn lớn, trưởng thành.

Về sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Hà Thị M trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

*Phía bị đơn: Anh Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh B, lấy lời khai của mẹ đẻ anh B. Theo biên bản xác nhận

thông tin cư trú ngày 03/6/2024 của Công an xã Y, huyện T xác định anh B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2024 của bà Phạm Thị C là mẹ đẻ anh B cũng xác định như sau: Năm 2009 con trai bà C là anh B kết hôn với chị Hà Thị M, hai bên có được tự do tìm hiểu tự nguyện, làm thủ tục cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh B, chị M đã về sống chung với gia đình nhà bà được khoảng bốn năm, sau đó vợ chồng bàn với nhau mượn đất của gia đình bà để làm nhà tạm ra ở riêng, độc lập về kinh tế. Đến khoảng năm 2019 vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn với nhau, lý do mâu thuẫn là: Vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình chi phối, chị M muốn đi làm công nhân công ty may ở Bắc Ninh nhưng anh B không cho đi, chị M cố tình đi nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, vợ chồng không chịu nhường nhịn, chia sẻ với nhau, chuyện tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng, từ đó dẫn đến vợ chồng hiểu lầm, cãi nhau, xúc phạm nhau. Nhiều khi nóng giận anh B còn đánh chị M. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay là năm năm mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị M và con không về nhà bà nữa. Khi mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra bản thân gia đình bà có khuyên bảo, hòa giải nhưng chị M nhất quyết không về chung sống với anh B nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khi chị M làm đơn xin ly hôn cũng có đến gia đình nhà bà để nói chuyện mâu thuẫn vợ chồng. Thực tế vợ chồng anh B, chị M không có hạnh phúc, không ăn ở với nhau từ rất lâu, bà C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Bà Phạm Thị C cũng xác định vợ chồng anh B, chị M có với nhau hai người con chung là cháu Phạm Hà T, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 16/9/2011. Hiện nay các cháu đang ở với chị M từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quan điểm của bà C đề nghị Tòa án giao chị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, vì các con chung ở với chị M đã quen, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học ổn định. Từ khi ly thân anh B đi làm nhưng không có chu cấp hoặc thăm nom gì đến con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà C vợ chồng anh B, chị M lấy nhau xong về ở chung với gia đình nhà bà được mấy năm thì vợ chồng làm nhà tạm ra ở riêng, sau này phát sinh mâu thuẫn vợ chồng lại sống ly thân mỗi người một nơi nên chưa tạo lập được tài sản chung gì, nợ nần không có.

Hiện tại bà C chỉ biết anh B đi làm ăn ở Hà Nội, còn cụ thể làm công việc gì, địa chỉ như thế nào, ăn ở ra sao bà không biết. Anh B đi làm nhưng thỉnh thoảng có về nhà

chơi, khi bận không về được thì anh có gọi điện về hỏi thăm sức khỏe, công việc gia đình. Bà C có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác của Tòa án gửi đến anh B, bà có gọi điện trực tiếp thông báo đến anh B, khi anh về nhà chơi thì bà cũng đưa lại các giấy tờ, nói về việc Tòa án giải quyết ly hôn, anh cũng có nói lại với bà là thực tế vợ chồng không ở với nhau một thời gian dài, không còn tình cảm nữa, anh nhất trí ly hôn để giải thoát cho nhau ổn định cuộc sống, con cái thì để chị M nuôi dưỡng vì hai cháu đang ở với chị M, đang học hành ổn định, anh đi làm không có chỗ ở ổn định, không có điều kiện để nuôi con. Tài sản chung, nợ nần vợ chồng không có. Anh bận công việc đi làm ăn nên không có thời gian về Tòa án để giải quyết ly hôn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29/8/2024. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh Phạm Văn B. Về con chung: Giao hai con chung của anh chị là cháu Phạm Hà T, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 16/9/2011 cho chị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi hai cháu thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị Hà Thị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18/6/2024 chị Hà Thị M nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung đối với anh Phạm Văn B, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Hà Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29/8/2024. Bị đơn anh Nguyễn Văn B1 được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M, anh B1 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009 chị Hà Thị M và anh Phạm Văn B xây dựng gia đình với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với mẹ đẻ anh B tại xóm C, xã Y, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi chung sống cùng với gia đình anh B được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng. Đến khoảng năm 2019 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chuyện tình cảm vợ chồng không tin tưởng vào nhau, từ đó lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau. Bản thân anh B thì mãi chơi bời không chăm lo đến gia đình, vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay là năm năm không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được nguyên đơn trình bày tại bản tự khai. Anh B không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn, tuy nhiên anh B cũng có nói lại với mẹ đẻ là hôn nhân không có hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại ban tư pháp xã, khu hành chính xóm C, xã Y, huyện T và lấy lời khai bà Phạm Thị C là mẹ đẻ anh B cũng đều xác định vợ chồng anh B, chị M có mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau, đánh nhau và thực tế anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian rất dài, đến nay là năm năm, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin ly hôn với anh B là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị M và anh Phạm Văn B có hai con chung là cháu Phạm Hà T, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 16/9/2011, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị M từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2019. Quan điểm của chị M là khi ly hôn chị xin được nuôi hai con chung đến khi các cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị M và anh B sống ly thân năm 2019 đến nay, cháu T và cháu Á vẫn ở với chị M được chị và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, bản thân anh B



không quan tâm hoặc chu cấp gì cho con chung, điều đó thể hiện anh B thiếu trách nhiệm đối với hai con chung. Tại bản tự khai ngày 26/8/2024 nguyện vọng của cháu T và cháu Á đều xin được ở với mẹ. Bản thân chị M đang làm lao động tự do tại địa phương, làm thuê xưởng ván bóc gỗ, ngoài ra chị còn làm đôi rừng, chăn nuôi, thu nhập hàng tháng ổn định từ 7 đến 8 triệu đồng. Chị M và các con chung có nhà ở kiên cố, đàng hoàng. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường, các cháu có điều kiện ăn học, sự phát triển toàn diện cần giao hai con chung của anh chị cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Hà Thị M xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh Phạm Văn B không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị M tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị M đối với anh Phạm Văn B. Xử cho chị Hà Thị M được ly hôn anh Phạm Văn B.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung của anh chị là cháu Phạm Hà T, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 16/9/2011 cho chị Hà Thị M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên. Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Phạm Văn B không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Hà Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0004340 ngày 19/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

*"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."*

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị Hà Thị M và anh Phạm Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, thị trấn nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Duyên Hòa**